



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

A member of  HLB International

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-30
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-08
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Chủ tịch
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Ủy viên

Thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Quang Tiến	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được lập ngày 21 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng *HT*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		67.473.137.531	76.894.989.967
110	I. Tài sản tài chính		55.179.342.834	58.030.679.720
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.286.291.489	8.147.656.440
111.1	1.1 Tiền		8.286.291.489	8.147.656.440
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	14.595.916.691	14.595.916.691
115	3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	5.340.000.000	5.340.000.000
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(479.375.608)	(479.375.608)
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	924.000	1.339.250
122	6. Các khoản phải thu khác	7	33.059.205.124	34.975.246.124
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(5.623.618.862)	(4.550.103.177)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		12.293.794.697	18.864.310.247
131	1. Tạm ứng		303.002	303.002
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	215.000.002	24.000.000
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	12.000.000.000	12.000.000.000
135	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	22.716.876.867	22.686.876.867
136	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	9	(22.638.385.174)	(15.846.869.622)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.636.487.059	30.627.918.116
220	II. Tài sản cố định		-	2.971.509
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	-	2.971.509
222	- Nguyên giá		3.930.336.468	3.930.336.468
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.930.336.468)	(3.927.364.959)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		1.971.239.400	1.971.239.400
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.971.239.400)	(1.971.239.400)
250	V. Tài sản dài hạn khác		30.636.487.059	30.624.946.607
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.000.000	2.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	29.520.080.000	29.520.080.000
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	1.114.407.059	1.102.866.607
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		98.109.624.590	107.522.908.083

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.683.412.935	1.863.048.558
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.683.412.935	1.863.048.558
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	218.315.001	218.315.001
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	82.584.122	319.104.986
323	3. Phải trả người lao động		247.311.359	293.844.368
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		894.597.535	791.179.285
329	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	240.604.918	240.604.918
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		96.426.211.655	105.659.859.525
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	96.426.211.655	105.659.859.525
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000
411.1a	a. Vốn pháp định		138.000.000.000	138.000.000.000
417	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(41.573.788.345)	(32.340.140.475)
417.1	2.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(41.573.788.345)	(32.340.140.475)
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		96.426.211.655	105.659.859.525
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		98.109.624.590	107.522.908.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	37.090.000	37.040.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		37.090.000	37.040.000
012	2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	20	12.537.480.000	12.537.480.000
Số lượng chứng khoán				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	19.725.300.000	20.677.450.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		19.675.300.000	20.363.450.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10.000.000	10.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		40.000.000	304.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư		125.000.000	380.000.000
Đồng Việt Nam				
026	1. Tiền gửi của khách hàng	22	1.760.886.535	2.060.920.807
027	1.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		1.760.886.535	2.060.920.807
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.760.886.535	2.060.920.807
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23	1.661.046.598	2.016.765.365
031.1	2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.660.891.976	2.016.610.743
031.2	8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		154.622	154.622
035	3. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	24	99.839.937	44.155.442

(Signature)

Nguyễn Tuyết Hạnh
Người lập

(Signature)

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
06	1.1 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		206.109.376	672.140.499
20	Cộng doanh thu hoạt động		206.109.376	672.140.499
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		651.686.201	1.147.544.696
30	2.2 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		8.898.499	32.349.902
32	2.3 Chi phí các dịch vụ khác		-	1.500.000
40	Cộng chi phí hoạt động		660.584.700	1.181.394.598
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	25		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		872.534	45.781
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		872.534	45.781
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	26	8.780.045.080	6.913.579.004
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(9.233.647.870)	(7.422.787.322)
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		-	1.547.500
80	Cộng kết quả hoạt động khác		-	1.547.500

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ			(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện			(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN			-	-
100	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27		-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN			(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	28		(669)	(538)



Nguyễn Tuyết Hạnh
 Người lập



Nguyễn Tuyết Hạnh
 Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

01111
 CÔNG
 NIỆM
 G KIẾM
 AAS
 KIẾM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.971.509	110.675.393
04	- Các khoản dự phòng		7.865.031.237	5.925.770.912
30	3. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động			
35	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(191.000.002)	(407.753.132)
42	4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.556.645.126)	(1.792.546.649)
45	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		415.250	(441.000)
47	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		1.904.500.548	1.351.075.422
48	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		(30.000.000)	(66.670.820)
50	- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(236.520.864)	68.720.635
51	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		56.885.241	416.911.601
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		138.635.049	(22.950.811)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		138.635.049	(22.950.811)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		8.147.656.440	8.493.452.583
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		8.147.656.440	8.493.452.583
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		8.147.656.440	8.493.452.583
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		8.286.291.489	8.470.501.772
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		8.286.291.489	8.470.501.772
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		8.286.291.489	8.470.501.772

C.T. TÍN
 QUẬN HOÀN KIẾM
 TP. HÀ NỘI

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		47.840.090.531	23.925.990.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(47.323.074.969)	(25.652.108.458)
05	3. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		341.600.000	1.279.218.270
06	4. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(1.214.334.329)	(2.339.019.540)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		152.262.207	259.700.072
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(96.577.712)	-
20	<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>		(300.034.272)	(2.526.219.156)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		2.060.920.807	3.041.581.540
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		2.060.920.807	3.041.581.540
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.060.920.807	3.041.581.540
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		1.760.886.535	515.362.384
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		1.760.886.535	515.362.384
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.760.886.535	515.362.384

Nguyễn Tuyết Hạnh
Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh
Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

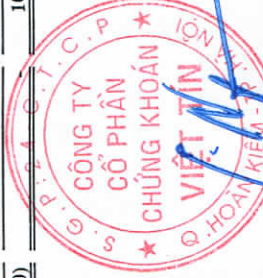
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015	01/01/2016	6 tháng đầu năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		31/12/2015	30/06/2016
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138.000.000.000	138.000.000.000	-	-	-	-	138.000.000.000	138.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		138.000.000.000	138.000.000.000	-	-	-	-	138.000.000.000	138.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(24.038.755.506)	(32.340.140.475)	(7.421.239.822)	-	(9.233.647.870)	-	(31.459.995.328)	(41.573.788.345)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(24.038.755.506)	(32.340.140.475)	(7.421.239.822)	-	(9.233.647.870)	-	(31.459.995.328)	(41.573.788.345)
CỘNG		113.961.244.494	105.659.859.525	(7.421.239.822)	-	(9.233.647.870)	-	106.540.004.672	96.426.211.655

(Signature)

Nguyễn Tuyết Hạnh
 Người lập

(Signature)

Nguyễn Tuyết Hạnh
 Kế toán trưởng



Ronald Nguyễn Anh Đạt
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2016

31001
 CÔNG TÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
 AA
 KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 138.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu kỳ này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Điều hành chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty chỉ thực hiện đánh giá lại chứng khoán khi có giá thị trường giảm so với giá gốc. Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý" và chỉ tiêu "Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

110
CÔNG
CHÍNH
ANG
HOÀ
C
16
10
PY
i
P
L
16

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty nhận góp vốn tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Cửa nhà đầu tư	3.986.095	95.163.165.500
- Cổ phiếu	3.986.095	95.163.165.500
	<u>3.986.095</u>	<u>95.163.165.500</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.722.783.992	7.878.410.342
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	563.507.497	269.246.098
	<u>8.286.291.489</u>	<u>8.147.656.440</u>

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cổ phiếu đã lưu ký	29.416.691	29.416.691
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.566.500.000	14.566.500.000
	<u>14.595.916.691</u>	<u>14.595.916.691</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty khác	5.340.000.000	5.340.000.000
	<u>5.340.000.000</u>	<u>5.340.000.000</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Số lượng		Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị dự phòng		Giá trị lập dự phòng kỳ trước		Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này	
		VND		VND		VND		VND		VND
FVTPL		14.595.916.691		50.663.200		(1.479.200)		(1.479.200)		-
- Cổ phiếu lẻ	-	29.416.691		50.663.200		(1.479.200)		(1.479.200)		-
- Công ty CP Du lịch Huế (1)	646.248	14.150.000.000		-		-		-		-
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (1)	73.500	416.500.000		-		-		-		-
AFS		5.340.000.000		4.862.103.592		(477.896.408)		(477.896.408)		-
Đầu tư góp vốn khác		5.340.000.000		4.862.103.592		(477.896.408)		(477.896.408)		-
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội (2)	54.000	540.000.000		538.816.535		(1.183.465)		(1.183.465)		-
- Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tin (3)	480.000	4.800.000.000		4.323.287.057		(476.712.943)		(476.712.943)		-
		19.935.916.691		4.912.766.792		(479.375.608)		(479.375.608)		-

Ghi chú:

- (1) Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014, thời điểm trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty đang phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán) là cuối kỳ kế toán khi lập báo cáo tài chính năm. Vì vậy tại thời điểm 30/06/2016, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị thị trường của các khoản đầu tư này.
- (2) Căn cứ để trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội đang được đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội.
- (3) Căn cứ để trích lập dự phòng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tin đang được đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính thông qua lãi lỗ	1.479.200	1.479.200
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	477.896.408	477.896.408
	479.375.608	479.375.608

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	924.000	1.339.250
- Phải thu các dịch vụ khác	924.000	1.339.250
Phải thu thanh lý hợp đồng môi giới trái phiếu	1.027.000.000	1.080.000.000
Phải thu thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4.501.977.600	4.877.018.600
Phải thu thanh lý hợp đồng thuê văn phòng (1)	15.228.822.000	15.988.822.000
Phải thu thanh lý hợp đồng mua cổ phần (2)	12.109.150.000	12.837.150.000
Phải thu khác	192.255.524	192.255.524
	33.060.129.124	34.976.585.374

(1) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng với Công ty TNHH Đất Việt Nam ngày 28/06/2014 với tổng số tiền là 16,4 tỷ đồng, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đặt cọc theo đúng thời hạn trong thanh lý hợp đồng nên Công ty TNHH Đất Việt Nam đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần. Theo Công văn gia hạn lần thứ 8 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 26/9/2016.

(2) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt mua cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đông Triều ngày 28/06/2013, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đúng hạn theo thanh lý hợp đồng nên Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đông Triều đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần. Theo Công văn gia hạn lần thứ 12 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 02/09/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phí bảo trì phần mềm	12.000.000	24.000.000
Phí cung cấp thông tin	60.000.000	-
Phí quản lý thành viên	20.000.002	-
Phí duy trì thiết bị đầu cuối	123.000.000	-
	<u>215.000.002</u>	<u>24.000.000</u>

b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	29.520.080.000	29.520.080.000
	<u>29.520.080.000</u>	<u>29.520.080.000</u>

(*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo Phụ lục hợp đồng ngày 01/06/2015, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và Phụ lục ngày 01/07/2015, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/01/2015 đến 30/06/2016, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong kỳ.



T.T.N. / 2 / 2016 / K

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Giá trị khoản phải thu	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này			
			Số đầu kỳ	Số trích lập	Số hoàn nhập	
			VND	VND	VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	33.059.205.124	5.721.233.124	(4.550.103.177)	(1.126.515.685)	53.000.000	(5.623.618.862)
- Phí môi giới chứng khoán Công ty CP Tài chính Việt Tín	1.027.000.000	1.027.000.000	(1.080.000.000)	-	53.000.000	(1.027.000.000)
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	4.501.977.600	4.501.977.600	(3.413.913.020)	(1.088.064.580)	-	(4.501.977.600)
- Công ty TNHH Đất Việt Nam (*)	15.228.822.000	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư thương mại Đông Triều	12.109.150.000	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	192.255.524	192.255.524	(56.190.157)	(38.451.105)	-	(94.641.262)
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	22.638.385.174	22.638.385.174	(15.846.869.622)	(6.791.515.552)	-	(22.638.385.174)
- Trả trước tiền mua đất	22.638.385.174	22.638.385.174	(15.846.869.622)	(6.791.515.552)	-	(22.638.385.174)
	55.697.590.298	28.359.618.298	(20.396.972.799)	(7.918.031.237)	53.000.000	(28.262.004.036)

(*) Trong năm 2014, Công ty đã thanh lý hợp đồng đặt cọc tiền mua văn phòng làm chi nhánh được ký kết với Công ty TNHH Đất Việt Nam và đang làm các thủ tục cần thiết để thu hồi khoản tiền đặt cọc 15,2 tỷ đồng trước ngày quy định trên thanh lý hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . CẦM CỔ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng (*)	12.000.000.000	12.000.000.000
	12.000.000.000	12.000.000.000

(*) Ngày 02/06/2014 Công ty đã ký kết hợp đồng với ông Hoàng Xuân Huy và chuyển tiền đặt cọc 12 tỷ để mua văn phòng, mở thêm Chi nhánh mới tại Hà Nội. Ngày 25/12/2015, Công ty và ông Huy đã ký Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016.

11 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước mua văn phòng (*)	22.668.385.174	22.638.385.174
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải thu Nhà nước	48.491.693	48.491.693
	22.716.876.867	22.686.876.867

(*) Khoản phải thu ứng trước tiền mua văn phòng cho ông Nguyễn Duy Nhung tuy nhiên không thu hồi được và Công ty đã thực hiện trích dự phòng toàn bộ đối với khoản công nợ này.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Tại ngày 30/06/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1.505.810.000	2.421.554.959	3.927.364.959
Khấu hao trong kỳ	-	2.971.509	2.971.509
Tại ngày 30/06/2016	1.505.810.000	2.424.526.468	3.930.336.468
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình			
Tại ngày 01/01/2016	-	2.971.509	2.971.509
Tại ngày 30/06/2016	-	-	-

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 1.971.239.400 đồng, giá trị khấu hao lũy kế từ trước ngày 01/01/2016 là 1.971.239.400 đồng.

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338.712.475	338.712.475
Tiền nộp bổ sung	406.531.418	394.990.966
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	369.163.166	369.163.166
Số dư cuối kỳ	1.114.407.059	1.102.866.607

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Thương mại và giải pháp phần mềm RPS	110.000.000	110.000.000
Công ty TNHH Kim Ngân Hà	62.826.794	62.826.794
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Cây Cầu Vàng	24.600.000	24.600.000
Phải trả các đối tượng khác	20.888.207	20.888.207
	218.315.001	218.315.001

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	82.584.122	319.104.986
	82.584.122	319.104.986

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả tiền phạt của Ủy ban chứng khoán	165.000.000	165.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.604.918	75.604.918
	240.604.918	240.604.918

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	22,60%	31.188.000.000	22,60%	31.188.000.000
Bà Hoàng Ngân Hà	48,98%	67.594.000.000	48,98%	67.594.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín	9,80%	13.524.000.000	9,80%	13.524.000.000
Ông Hoàng Trung Hiếu	9,80%	13.524.000.000	9,80%	13.524.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	6,50%	8.970.000.000	6,50%	8.970.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	2,32%	3.200.000.000	2,32%	3.200.000.000
	100%	138.000.000.000	100%	138.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(41.573.788.345)	(32.340.140.475)
	(41.573.788.345)	(32.340.140.475)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	30/06/2016	01/01/2016
19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY		
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	37.090.000	37.040.000
	37.090.000	37.040.000
20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY		
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	12.537.480.000	12.537.480.000
	12.537.480.000	12.537.480.000
21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	19.675.300.000	20.363.450.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000	10.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	40.000.000	304.000.000
	19.725.300.000	20.677.450.000
22 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ		
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	1.760.886.535	2.060.920.807
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.760.886.535	2.060.920.807
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.759.229.376	2.059.270.371
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.657.159	1.650.436
	1.760.886.535	2.060.920.807
23 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ		
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.660.891.976	2.016.610.743
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.659.234.817	2.014.960.307
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.657.159	1.650.436
	1.660.891.976	2.016.610.743
24 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU		
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	99.839.937	44.155.442
	99.839.937	44.155.442

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍNTầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	872.534	45.781
	872.534	45.781

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	805.763.353	741.741.208
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	56.476.200	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.261.500
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.971.509	87.342.065
Chi phí thuế, phí và lệ phí	23.220.924	63.342.532
Chi phí dự phòng	7.865.031.237	5.925.770.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.264.503	77.734.971
Chi phí khác	7.317.354	16.385.816
	8.780.045.080	6.913.579.004

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

0017
 CÔNG
 TÁCH NHÌ
 NG KI
 AA
 KIỂM

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(9.233.647.870)	(7.421.239.822)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.800.000	13.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>(669)</u></u>	<u><u>(538)</u></u>

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu tiền phí môi giới chứng khoán		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín (*)	1.027.000.000	1.080.000.000
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu		
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín (*)	4.501.977.600	4.877.018.600
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng		
Công ty TNHH Đất Việt Nam (*)	15.228.822.000	15.988.822.000
Số dư đầu tư góp vốn		
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội (*)	540.000.000	540.000.000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tín (*)	4.800.000.000	4.800.000.000

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đồng thời là Chủ tịch các Công ty này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	72.000.000	72.000.000

